TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 177/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 10 - 2018
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Tuấn.

Ông Vũ Minh Đón.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1987;

Hộ khẩu thường trú: thôn L, xã L, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ cư trú: thôn T, thị trấn Y, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Lưu Đức H, sinh năm 1987;

Địa chỉ cư trú: thôn L, xã L, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Đỗ Văn P, sinh năm 1960;

3.2. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1961;

Đều địa chỉ: thôn T, thị trấn Y, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;

Tại phiên tòa: chị N có mặt; anh H, ông P, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày: Chị và anh Lưu Đức H kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên ngày 29 tháng 8 năm 2011. Quá trình chung sống do anh H không tập trung làm ăn xây dựng kinh tế gia đình và không quan tâm đến vợ nên chị đã nhiều lần về nhà bố mẹ đẻ sống. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng anh H không thay đổi lối sống và do vợ chồng chung sống không có con chung nên chị đã về sống tại nhà bố mẹ đẻ từ tháng 11 năm 2017, từ thời gian này vợ chồng không còn quan tâm chăm chăm lo đến nhau nên tình cảm vợ chồng không còn do đó đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Chị N xác định vợ chồng không có con chung, thời gian chung sống không có tài sản, nghĩa vụ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai ngày 24 tháng 8 năm 2018, bị đơn anh Lưu Đức H công nhận lời khai của chị N về thời gian đăng ký kết hôn và vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng chị N đã sống tại nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 9 năm 2017 nguyên nhân là do anh thường xuyên vắng nhà nên thiếu quan tâm, chăm lo đến vợ. Mặc dù chưa lần nào đến gặp nhưng anh vẫn thường xuyên gọi điện để trao đổi về quan hệ vợ chồng nhưng chị N đều xác định không thể tiếp tục chung sống được nhưng thực tế vợ chồng chưa xảy ra to tiếng, xô xát chỉ vì điều kiện công việc dẫn đến không có điều kiện chăm lo cho nhau nên anh đề nghị Tòa án tạo điều kiện để anh có thời gian suy nghĩ, quyết định về quan hệ của vợ chồng.

Anh Lưu Đức H công nhận vợ chồng chưa có con chung và không có tài sản nghĩa vụ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng ông Đỗ Văn P, bà Đỗ Thị T là bố mẹ chị Ng trình bày do anh H không tôn trọng vợ và anh chị chưa có con chung nên chị N đã về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 11 năm 2017, gia đình hai bên cũng đã trao đổi nhưng anh chị cũng không còn quan tâm chăm lo gì đến nhau.

Ủy ban nhân dân xã L cung cấp: Chị Đỗ Thị N và anh Lưu Đức H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L ngày 29 tháng 8 năm 2011, do vợ chồng chưa có con chung và không thống nhất trong xây dựng kinh tế gia đình dẫn đến thường bất đồng, to tiếng nên chị N đã về nhà bố mẹ đẻ sống từ năm 2017 mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải.

Tại phiên tòa: Chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhưng bị đơn chưa chấp hành pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: căn cứ các điều 51, 53 và 56 Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân xử cho chị N ly hôn anh H; không giải quyết về tài sản và các vấn đề khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lưu Đức H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Đỗ Thị N và anh Lưu Đức H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên ngày 29 tháng 8 năm 2011 nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận. Chị N và anh H đều công nhận thời gian chung sống anh H không quan tâm, chăm sóc và cùng vợ thực hiện các công việc trong gia đình chứng tỏ vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ. Anh chị đã được gia đình khuyên giải và thực tế anh H cũng không đến Tòa án để hòa giải mặc dù vợ chồng đã sống mỗi người một nơi từ tháng 11 năm 2017 thể hiện hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài đề nghị được ly hôn của chị N là phù hợp với thực tế hôn nhân của vợ chồng nên được chấp nhận.

[3] Chị Đỗ Thị N và anh Lưu Đức H đều công nhận vợ chồng chưa có con chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng và các vấn đề khác nên không đặt ra để xem xét.

Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị N ly hôn anh Lưu Đức H.

2. Án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0119xx ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ; chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã L;
- VKSND huyện Yên Mỹ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRƯƠNG QUANG TÚ